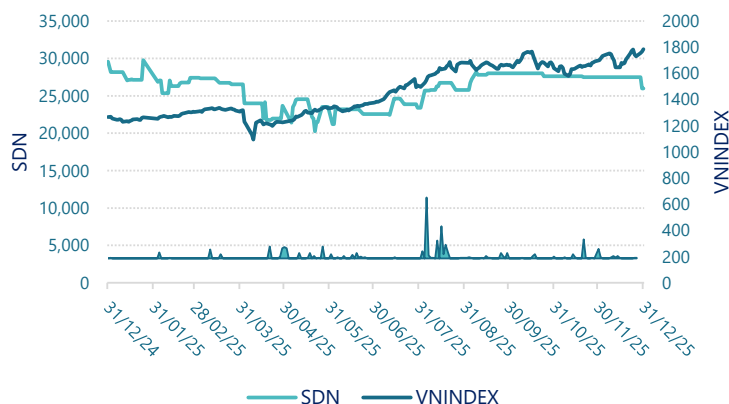


CTCP Sơn Đồng Nai (HNX: SDN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	26,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,765
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,253
SL cổ phiếu LH	3,036,436
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
% sở hữu nước ngoài	22.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	79
P/E	11.8
EPS	2,202

DT thuần

Q4/25

31.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.60 | 16.8%

YoY: ▼ 4.40 | -12.2%

LN sau thuế

Q4/25

-0.11

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.85 | -106%

YoY: ▼ 3.15 | -104%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

8.9%

+/- YoY: ▼ 1.3%

DT thuần

2025

112

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 8.00 | -6.1%

LN sau thuế

2025

6.69

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 2.16 | -24.4%

ROE

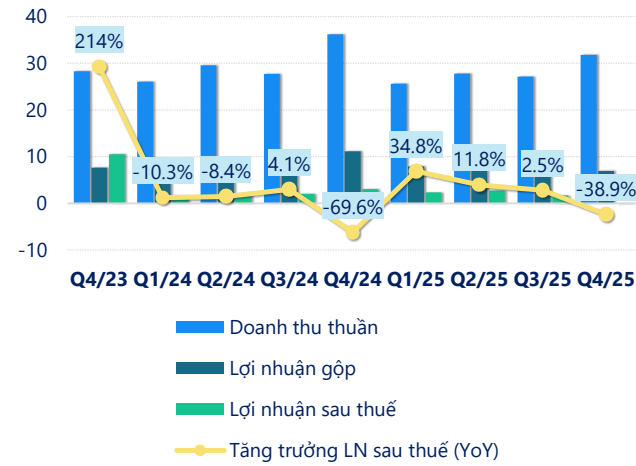
2025

10.0%

+/- YoY: ▼ 3.5%

tỷ VNĐ

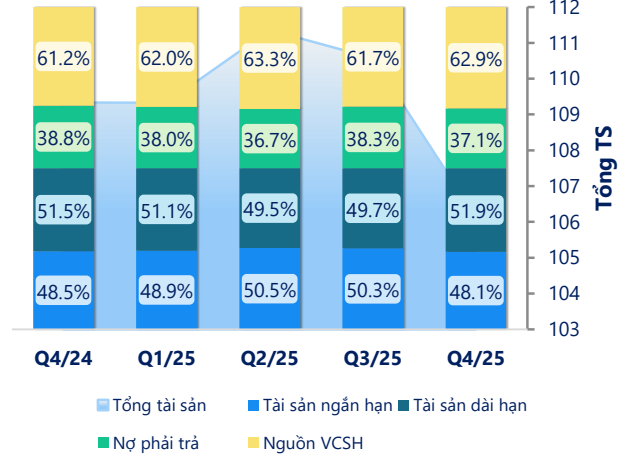
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

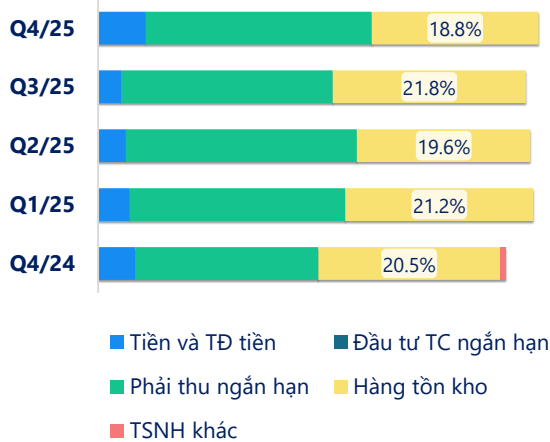
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



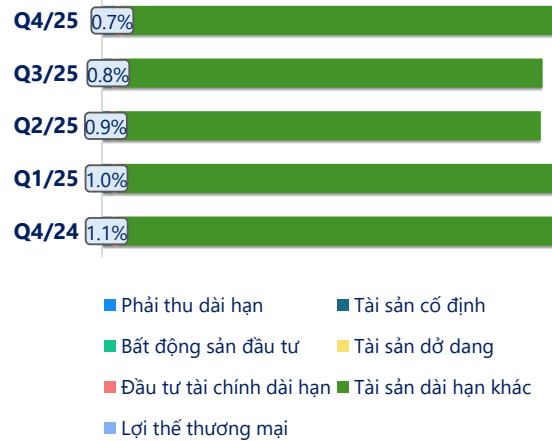
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

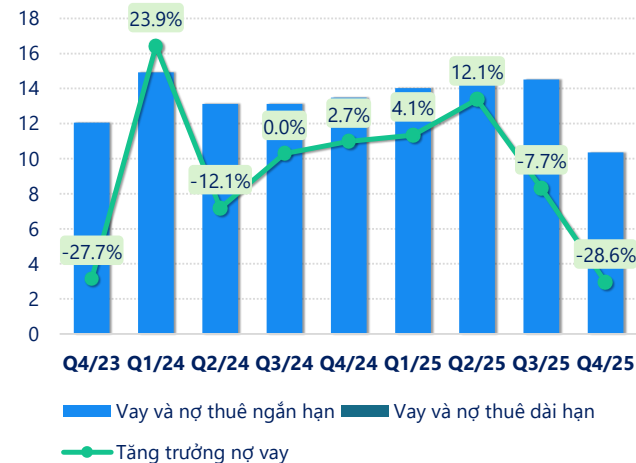
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

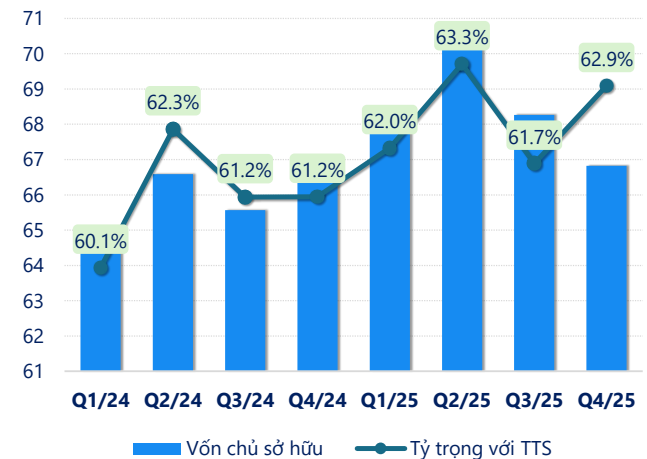
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

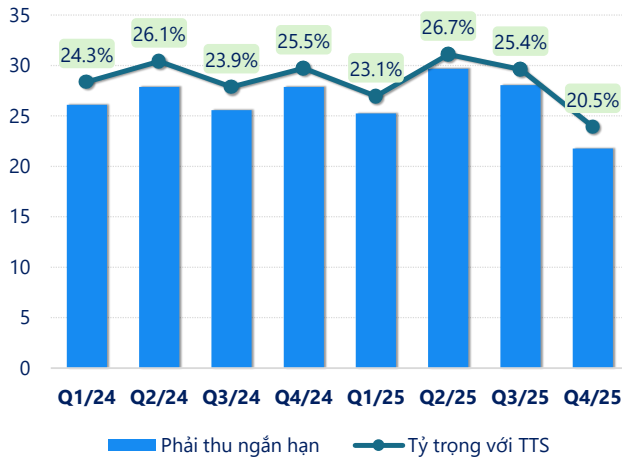
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



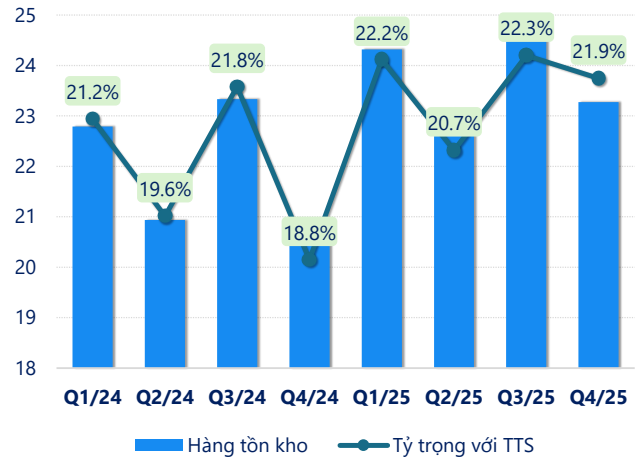
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


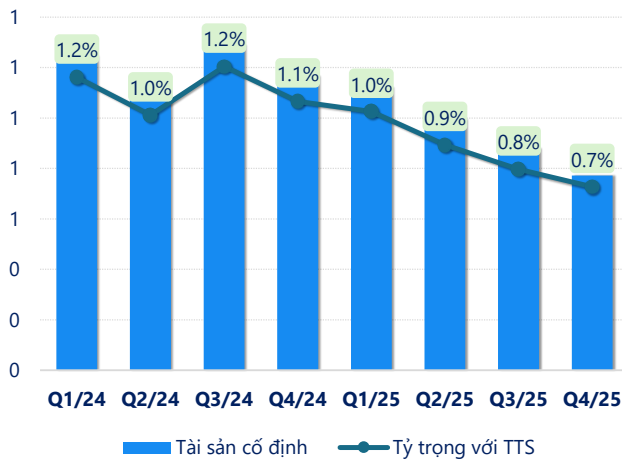
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


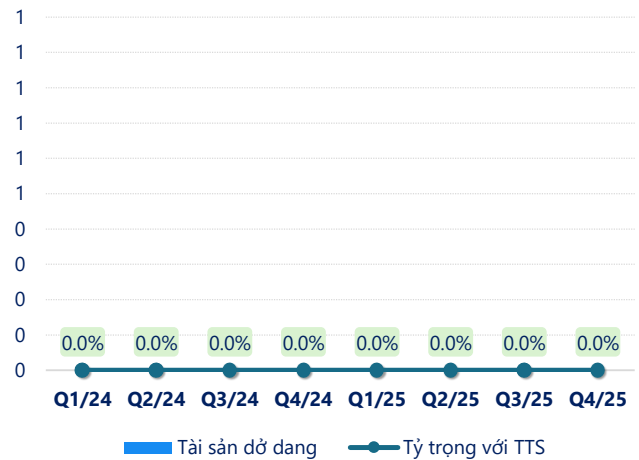
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

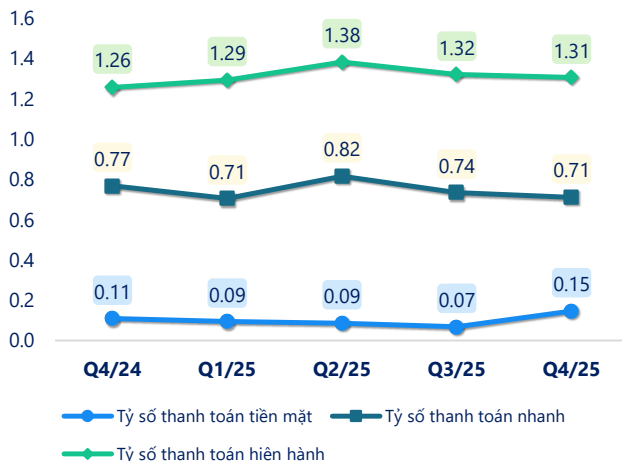
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	109	109	111	111	106
Tài sản ngắn hạn	53.1	53.5	56.2	55.6	51.1
Tiền và tương đương tiền	4.59	3.90	3.50	2.88	5.72
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	27.9	25.3	29.7	28.1	21.8
Hàng tồn kho	20.6	24.3	23.1	24.7	23.3
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0.31
Tài sản dài hạn	56.3	55.9	55.1	55.0	55.1
Phải thu dài hạn	0	0	0	0.36	0.86
Tài sản cố định	1.17	1.12	1.00	0.88	0.77
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0.72	0.72	0.72	0.70	0.70
Tài sản dài hạn khác	54.4	54.0	53.4	53.0	52.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	42.4	41.6	40.9	42.3	39.3
Nợ ngắn hạn	42.2	41.3	40.7	42.1	39.1
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.5	14.0	15.7	14.5	10.4
Phải trả người bán ngắn hạn	17.4	19.3	15.1	16.7	21.4
Nợ dài hạn	0.20	0.25	0.23	0.23	0.23
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	66.9	67.8	70.5	68.3	66.8
Vốn chủ sở hữu	66.9	67.8	70.5	68.3	66.8
Vốn điều lệ	30.4	30.4	30.4	30.4	30.4
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)